TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2019/HC-PT Ngày 15 - 01 - 2019 V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Sáng

Ông Hoàng Thanh Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2018/TLPT-HC ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 612/2018/HC-ST ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1876/2018/QĐPT ngày 20 tháng 12 năm 2018, giữa:

- *Người khởi kiện*: Ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1962; Cư trú tại: Số 27/43 đường N2, khu phố Thống Nhất 1, phường A, thị xã A, tỉnh Bình Dương; (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: Số 6 đường P1, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Hồng T – Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền ngày 22/6/2017) (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Hiền L, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân M (theo văn bản ủy quyền ngày 21/6/2017) (có mặt)

Cùng cư trú tại: 27/43 đường N2, khu phố Thống Nhất 1, phường A, thị xã A, tỉnh Bình Dương

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Xuân M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ông Nguyễn Xuân M là công nhân quốc phòng xưởng Vỏ tàu của Xí nghiệp Liên hợp Ba S (gọi tắt XN Ba S) được giao đất để làm nhà ở với diện tích 39,6m^2 tại Khu cư xá Cửu Long, dãy trước Lô 7K đường P2, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt căn nhà số 7K) theo Quyết định số 75/QĐ ngày 27/6/1991. Ngay khi được cấp đất tiến hành xây căn nhà 72m^2 trên khuôn viên đất 120m^2 theo Tờ tường trình nguồn gốc nhà ngày 16/7/1992 và có đăng ký nhà đất ngày 30/8/1999.

Năm 2003, căn nhà số 7K được đổi số nhà mới là 106 đường P3 (gọi tắt căn nhà số 106), nhưng không thể xét cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở vì nằm trong ranh thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình kiểm soát triều rạch V, quận B và Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh; tuyến Bến Thành – Suối Tiên theo Quyết định 786/QĐ-UB ngày 01/3/2004 và số 1453/QĐ-UBND ngày 06/4/2007 của Ủy ban nhân dân (gọi tắt UBND) Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Công văn số 946/CV-BS ngày 09/9/2005, XN Ba S xác định phần đất còn lại từ rạch V và rạch E đến giáp 8 lô đất này Xí nghiệp không có nhu cầu sử dụng và không cấp cho các hộ gia đình khác.

Theo Bản vẽ hiện trạng (phục vụ cho công tác đền bù) ngày 12/5/2009 thể hiện căn nhà số 106 có tổng diện tích 137,8m^2 gồm: diện tích bị giải tỏa là 101,5m^2 và ngoài ranh giải tỏa là 36,3m^2 nên đề nghị giải tỏa toàn phần.

Ngày 23/02/2010, UBND quận B ban hành Quyết định số 1593/QĐ-UBND (gọi tắt Quyết định số 1593/QĐ-UBND) về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 106 của ông Nguyễn Xuân M và bà Nguyễn Thị Hiền L là 1.568.997.323 đồng (kèm Phiếu chiết tính ngày 01/02/2010 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận).

Không đồng ý quyết định trên và Điều 2 Quyết định giải quyết khiếu nại số 2427/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 (gọi tắt Quyết định GQKN số 2427/QĐ-UBND) của Chủ tịch UBND quận B, ông Nguyễn Xuân M yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy hai quyết định đã ban hành và buộc UBND quận B bồi thường 100% diện tích 117,73m^2 (trừ diện_tích 20,07m^2 do đã rút yêu cầu này) theo giá thị trường tại thời điểm năm 2010 là 30 triệu đồng/m^2,

đồng thời bồi thường tiền lãi suất tính từ tháng 02/2010 đối với số tiền còn lại chưa bồi thường.

** Bản tự khai ngày 16/9/2016, đại diện người bị kiện trình bày:*

Phần diện tích đất của XN Ba S cấp cho ông Nguyễn Xuân M theo Quyết định số 566/QĐ-TM ngày 31/7/1976 của Bộ Quốc phòng do Lữ đoàn 171 đăng ký thửa 240, tờ bản đồ số 2 theo Sổ mục kê ruộng đất ngày 18/12/1984.

Ngày 13/5/2005, UBND quận B ban hành Quyết định số 1817/QĐ-UB về việc không bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho ông Nguyễn Xuân M về giải tỏa một phần căn nhà số 7K để thực hiện dự án xây dựng công trình kiểm soát triều rạch V, quận B và buộc tự tháo dỡ phần diện tích 20,07m^2 không nằm trong khuôn viên đất được cấp do tự xây dựng lấn chiếm. Việc khiếu nại quyết định này không được chấp nhận bởi Quyết định giải quyết khiếu nại số 3638/QĐ-UBND ngày 19/8/2005 của Chủ tịch UBND quận B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 5416/QĐ-UBND ngày 27/11/2006 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn nhà số 106 thuộc đối tượng di dời một phần của Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh; tuyến Bến Thành – Suối Tiên tại phường 19 và 22, quận B nên diện tích theo Bản vẽ ngày 12/5/2009 được nêu trong Phiếu chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ về đất của ông Nguyễn Xuân M bao gồm 3 phần: diện tích chưa tháo dỡ 20,7m^2 theo Quyết định số 1817/QĐ-UB nêu trên; bồi thường 100% diện tích được cấp là 39,6m^2 và hỗ trợ 30% diện tích lấn chiếm 78,13m^2. Do đó, việc ban hành Quyết định số 1593/QĐ-UBND và Quyết định GQKN số 2427/QĐ-UBND là đúng pháp luật qui định nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân M.

** Bản tự khai ngày 23/9/2016 và Bản tường trình ngày 18/5/2017, bà Nguyễn Thị Hiền L trình bày:*

Sống chung có đăng ký kết hôn năm 1991 nên thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân M.

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 612/2018/HC-ST ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân M như sau:

- Hủy một phần Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận B về hỗ trợ 100% phần diện tích đất 78,13m^2 đối với căn nhà số 106 đường P3, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Xuân M, bà Nguyễn Thị Hiền L (đính kèm Phiếu chiết tính ngày 01/02/2010 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B).

- Hủy đoạn 3 Điều 2 Quyết định giải quyết khiếu nại số 2427/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Xuân M, bà Nguyễn Thị Hiền L về phần diện tích đất 78,13m^2 nằm ngoài quyết định giao của Xí nghiệp Liên hợp Ba S không

tranh chấp với ai, không lấn chiếm đề nghị bồi thường, hỗ trợ 100% đơn giá đất ở, không đồng ý hỗ trợ 30% đơn giá đất ở.

- Đình chỉ các yêu cầu của ông Nguyễn Xuân M, bà Nguyễn Thị Hiền L về việc rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền còn lại chưa bồi thường 100% đơn giá đất ở đối với 78,13m^2; không xem xét đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất ở và không yêu cầu giải quyết diện tích 20,07m^2 tại địa điểm giải tỏa căn nhà số 106 đường P3, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh được nêu trong Phiếu chiết tính ngày 01/02/2010 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/5/2018, ông Nguyễn Xuân M có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hủy quyết định số 1593/QĐ-UBND và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2427/QĐ-UBND buộc Ủy ban nhân dân quận B phải bồi thường 100% theo đơn giá được nêu trong Phiếu chiết tính ngày 01/02/2010 đối với diện tích đất 78,13m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện không rút đơn kháng cáo và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: sửa án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 1593/QĐ-UBND và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2427/QĐ-UBND. Ông M nộp thêm chứng cứ mới về việc các hộ có khởi kiện như trường hợp của gia đình ông và đã có bản án chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Phía bị kiện, ông Dương Hồng T là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của luật tố tụng hành chính.

Xét về nội dung vụ án: Năm 1991 Xí nghiệp liên hợp Ba S cấp cho ông M với diện tích cấp là 36,3m^2 theo Quyết định số 75/QĐ ngày 27/6/1991. Sau đó, ông M xây dựng căn nhà với diện tích 72m^2 trên khuôn viên 120m^2 (theo tờ trình nguồn gốc nhà năm 1992) và sử dụng ổn định đến ngày có Quyết định thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Công trình kiểm soát triều rạch V và Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 09/9/2005 Xí nghiệp Ba S có công văn 946/CV-BS, xác định phần đất còn lại từ rạch V và rạch E đến giáp 8 lô đất này (trong đó có lô đất của ông M) Xí nghiệp không có nhu cầu sử dụng và không cấp cho các hộ gia đình khác. Ngày 04/4/2018 Xí nghiệp Ba S có công văn số 205/TCTBS-TCLD, xác định: *"Phần diện tích đất do ông Nguyễn Xuân M sử dụng nằm ngoài diện tích được cấp theo Quyết định số 75/QĐ ngày 27/6/1991, Xí nghiệp liên hợp Ba S không biết phần diện tích này"*.

Việc Ủy ban nhân dân quận B áp dụng Quyết định số 144/2007/UBND ngày 27/12/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điểm a Khoản 7 Mục B.2 Phần II và Phần III của Phương án số 109/PA-UBND ngày 13/4/2009 của Ủy ban nhân dân quận B bồi thường, hỗ trợ bằng 30% giá đất ở là chưa phù hợp. Đất của ông Nguyễn Xuân M không vượt quá 160m^2 đất (hạn mức đất tại quận B), nên cần phải áp dụng điểm a khoản 4 Mục A Phần IV của Phương án số 109/PA-UBND ngày 13/4/2009 của Ủy ban nhân dân quận B và Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, để bồi thường theo diện tích thực tế ông M đang sử dụng, bồi thường 100% đơn giá đất ở.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông M là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Xuân M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Xuân M, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Xuân M làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân M thì vụ án có quan hệ tranh chấp về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng". Ông Nguyễn Xuân M yêu cầu hủy Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B là khiếu kiện quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và còn thời hiệu khởi kiện theo khoản 1 Điều 139, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của đương sự:

Đất của ông Nguyễn Xuân M đang quản lý, sử dụng nằm trong ranh thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình kiểm soát rạch V và dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 137m^2, nguồn gốc đất do Xí nghiệp liên hợp Ba S cấp vào năm 1991 theo Quyết định số 75/QĐ ngày 27/6/1991 gồm các phần sau:

Diện tích 36,3m^2 ông Nguyễn Xuân M được cấp theo Quyết định số 75/QĐ ngày 27/6/1991. Ông Nguyễn Xuân M xây nhà ở cho đến nay và được Ủy ban nhân dân quận B bồi thường 100% đất ở theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Phương án số 109/PA-UBND ngày 13/4/2009 của Ủy ban nhân dân quận B.

Diện tích 78,13m^2 theo Tờ trình nguồn gốc nhà ngày 16/7/1992 và đăng ký nhà đất ngày 30/8/1999, Ủy ban nhân dân quận B xác định sử dụng lấn chiếm cất nhà ở trước năm 1993 nên Ủy ban nhân dân quận B áp dụng theo Quyết định

số 144/2007/UBND ngày 27/12/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điểm a khoản 7 Mục B.2 Phần II và Phần III của Phương án số 109/PA-UBND ngày 13/4/2009 của Ủy ban nhân dân quận B bồi thường, hỗ trợ bằng 30% giá đất ở. Đây là nội dung ông M không đồng ý với quyết định và đã khởi kiện.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy:

Căn nhà số 106 đường P3 của ông Nguyễn Xuân M có nguồn gốc được Xí nghiệp liên hợp Ba S cấp do ông M là công nhân quốc phòng với diện tích được cấp là 36,3m^2. Sau khi được cấp đất, ông Nguyễn Xuân M đã xây dựng căn nhà với diện tích 72m^2 trên khuôn viên 120m^2 (theo tờ trình nguồn gốc nhà năm 1992) và sử dụng ổn định đến ngày có Quyết định thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Công trình kiểm soát triều rạch V và Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Công văn số 946/CV-BS ngày 09/9/2005, Xí nghiệp Ba S xác định phần đất còn lại từ rạch V và rạch E đến giáp 8 lô đất này Xí nghiệp không có nhu cầu sử dụng và không cấp cho các hộ gia đình khác.

Tại Công văn số 205/TCTBS-TCLD ngày 04/4/2018, Xí nghiệp Ba S xác định: "Phần diện tích đất do ông Nguyễn Xuân M sử dụng nằm ngoài diện tích được cấp theo Quyết định số 75/QĐ ngày 27/6/1991, Xí nghiệp liên hợp Ba S không biết phần diện tích này".

Theo nội dung hai công văn trên xác định ông M sử dụng số đất dôi ra là không lấn chiếm và tranh chấp với ai.

Do vậy, việc Ủy ban nhân dân quận B áp dụng Quyết định số 144/2007/UBND ngày 27/12/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điểm a khoản 7 Mục B.2 Phần II và Phần III của Phương án số 109/PA-UBND ngày 13/4/2009 của Ủy ban nhân dân quận B bồi thường, hỗ trợ bằng 30% giá đất ở là chưa phù hợp, trường hợp này cần phải áp dụng điểm a khoản 4 Mục A Phần IV của Phương án số 109/PA-UBND ngày 13/4/2009 của Ủy ban nhân dân quận B và Điều 44 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Điều 44 Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định:

"1. Trường hợp thu hồi đối với đất sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đất đó không có tranh chấp thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất thực hiện theo quy định sau:

a) Trường hợp đất đang sử dụng là đất có nhà ở và không thuộc một trong các trường hợp sử dụng đất quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này thì người đang sử dụng đất được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng nhưng diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định tại khoản 2 Điều 83 và khoản 5 Điều 84 của Luật Đất đai tại thời điểm

có quyết định thu hồi đất. Đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở và phần diện tích đất vườn, ao trên cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở (nếu có) thì được bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư;".

Đất của ông Nguyễn Xuân M không vượt quá 160m^2 (mức đất ở quận B) nên được bồi thường 100% đơn giá đất ở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân M, sửa án sơ thẩm, hủy một phần Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường 100% đơn giá đất ở cho ông Nguyễn Xuân M và bà Nguyễn Thị Hiền L đối với 78,13m^2 theo yêu cầu khởi kiện của ông M và bà Hiền.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân M nên Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh chịu án phí theo quy định.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân M.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân M.

2/ Hủy một phần Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đối với phần hỗ trợ 30% đơn giá đất ở của diện tích 78,13m^2 đất trong khuôn viên 120m^2 gia đình ông Nguyễn Xuân M sử dụng (theo tờ trình nguồn gốc nhà năm 1992) và sử dụng ổn định đến ngày có Quyết định thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Công trình kiểm soát triều rạch V và Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh. Để thực hiện việc áp giá bồi thường theo giá đất ở toàn bộ khuôn viên đất bị thu hồi.

3/ Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí

Minh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh mỗi đương sự phải nộp 200.000 đồng.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Xuân M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 03200 ngày 01/8/2016 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân M không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả 300.000 đồng cho ông M theo biên lai thu tiền số 0044751 ngày 08/6/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng **Huỳnh Sáng** **Phạm Thị Duyên**